

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2019/DS-PT
Ngày: 25/10/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh
Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội
Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 410/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H (Út H), sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, khóm B, TT.L, huyện L, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: khóm B, thị trấn L, huyện L, Đ.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Hùng Tr, sinh năm 1959;

Đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Tr: Chị Nguyễn HL, sinh năm 1987
Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ.

(Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2019).

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hùng Tr, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, đại diện theo ủy quyền của ông H là anh Nguyễn Văn T trình bày:** Từ năm 2015 đến 2016, do chỗ chị em ruột nên ông H có cho vợ chồng ông Tr, bà L vay tiền 05 lần, tổng cộng 250.000.000 đồng, các lần vay đều không viết biên nhận, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 08/12/2015, ông Tr, bà L vay của ông H số tiền 60.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

- Lần thứ 2: Ngày 15/12/2015, ông Tr, bà L vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

- Lần thứ 3: Ngày 15/01/2016, ông Tr, bà L vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

- Lần thứ 4: Ngày nào không nhớ trong năm 2016, ông Tr, bà L vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

- Lần thứ 5: Ngày nào không nhớ trong năm 2016, ông Tr, bà L vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

Các lần vay hai bên thỏa thuận khi nào cần lấy tiền lại thì ông H báo cho vợ chồng ông Tr, bà L biết.

Sau khi vay thì bà L, ông Tr có trả vốn cho ông H được 40.000.000 đồng, còn lại vốn 210.000.000 đồng và lãi, ông H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Tr và bà L trả, nhưng ông Tr và bà L không trả. Sau đó, ông H gửi đơn thưa vợ chồng ông Tr và bà L tại Công an huyện L. Tại biên bản đối chiếu nợ vay ngày 05/01/2019 của Công an huyện L, tỉnh Đ, bà L đã thừa nhận có vay tiền của ông H 05 lần, tổng cộng là 250.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng vốn vay, còn nợ lại 210.000.000 đồng chưa trả.

Đối với việc bà L cho rằng lần vay thứ 5 (lần vay cuối cùng) vào tháng 02/2017, ông H thống nhất, vì ông H không có chứng cứ chứng minh rằng lần vay này vào năm 2016.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hùng Tr liên đới nghĩa vụ trả cho ông H vốn vay là 210.000.000 đồng và lãi từ ngày 01/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/7/2019 là 28 tháng 23 ngày, theo lãi suất 0.75%/tháng là 45.307.500 đồng, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 255.307.500 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng).

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:** Từ năm 2015 đến 2017, do là chị em ruột nên ông H có đưa tiền cho bà L nhờ bà L cho người khác vay để lấy lãi chi tiêu, các lần nhận tiền đều không viết biên nhận. Tổng cộng 05 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 08/12/2015, bà L trực tiếp nhận của ông H 60.000.000 đồng. Số tiền 60.000.000 đồng nhận từ ông H cho bà Hoàng L vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

- Lần thứ 2: Ngày 15/12/2015, bà L trực tiếp nhận của ông H 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà L mang toàn bộ 40.000.000 đồng nhận từ ông H cho bà Trương Thị H vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

- Lần thứ 3: Ngày 15/01/2016, bà L trực tiếp nhận của ông H số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà L mang toàn bộ 50.000.000 đồng nhận từ ông H cho bà Hoàng L vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Các lần vay thỏa thuận hện khi nào cần thì trả lại. Sau khi vay, bà Hoàng L, bà H đóng lãi, bà L đều thông báo cho ông H đến và giao cho ông H.

- Lần thứ 4: Ngày tháng nào không nhớ trong năm 2016, bà L trực tiếp nhận của ông H số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà L mang toàn bộ 50.000.000 đồng nhận từ ông H cho bà Hoàng L vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hện khi nào cần thì trả lại. Sau khi vay, bà Hoàng L có đóng lãi hàng tháng cho bà L, nhưng số tiền bao nhiêu bà L không nhớ, mỗi lần bà Hoàng L đóng lãi, bà L đều thông báo cho ông H đến giao hết cho ông H. Số tiền 50.000.000 đồng này là tiền hụi ông H hốt trong dây hụi ngày 22/01/2016 âm lịch, bà L tham gia dùm ông H, dây hụi 3.000.000 đồng, hụi gồm 24 phần. Bà L tham gia dùm ông H 02 phần. Ông H hốt một phần đầu đưa cho bà Hoàng L vay. Phần thứ hai, bà L hốt xong được bao nhiêu tiền không nhớ, nhưng bà L đã giao cho ông H số tiền 50.000.000 đồng. Hai phần hụi này sau khi hốt xong ông H không đóng hụi chết nên bà L đóng tiền hụi chết thay cho ông H 11 lần, số tiền 66.000.000 đồng nhưng đến nay ông H không trả cho bà L (trong vụ án này bà L không yêu cầu ông H trả số tiền hụi cho bà L).

- Lần thứ 5: Khoảng tháng 02/2017, bà L trực tiếp nhận của vợ ông H 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà L mang toàn bộ 50.000.000 đồng nhận từ ông H cho bà Hoàng L vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hện khi nào cần thì trả lại. Sau khi vay, bà Hoàng L có đóng lãi hàng tháng cho bà L nhưng với số tiền bao nhiêu bà L không nhớ, mỗi lần bà Hoàng L đóng lãi, bà L đều thông báo cho ông H đến giao hết số tiền lãi cho ông H.

Khoảng thời gian nào bà L không nhớ, bà Trương Thị H có trả cho bà L 30.000.000 đồng, bà Hoàng L có trả cho bà L 10.000.000 đồng. Bà L thông báo cho ông H đến và đưa cho ông H số tiền này. Việc bà Hoàng L không trả tiền vay cho bà L, bà L đã khởi kiện bà Hoàng L tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A và đã được xét xử xong.

Nay bà Nguyễn Thị L không thừa nhận có nợ ông H số tiền 210.000.000 đồng như ông H trình bày. Bà L không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H.

- **Bị đơn ông Nguyễn Hùng Tr trình bày:** Ông Tr và bà L là vợ chồng, ông Tr là anh rể của ông H. Khoảng thời gian từ cuối năm 2018 trở về trước khi còn hòa thuận thì ông H thường xuyên đến nhà ông Tr chơi. Khi đến nhà chơi ông Tr không nghe bà L và ông H nói chuyện cho vay hay đưa nhận tiền giữa hai bên. Vào ngày 30/11/2018, ông H và 04 người khác đến nhà ông Tr nói bà L vay tiền không trả và yêu cầu ông Tr viết cam kết trả nợ, ông Tr có hỏi bà L sự việc như thế nào thì bà L nói “*Ông H có đưa tiền cho bà L để bà L đưa cho bà Hoàng L vay*”, bà L không nói ông H đưa cho bà L số tiền bao nhiêu. Sau đó ông Tr bị ông H ép

buộc viết và ký vào tờ cam kết trả cho ông H mỗi tháng 10.000.000 đồng, tờ cam kết đề ngày 30/11/2018 ông H cung cấp cho Tòa án là do ông Tr viết và ký tên.

Đến khoảng giữa tháng 12/2018 và cuối tháng 12/2018, ông H có đến nhà đòi trả 10.000.000 đồng theo tờ cam kết nhưng ông Tr và bà L không có tiền để trả.

Khoảng tháng 01/2019, ông H khởi kiện bà L tại công an huyện L, sau khi Công an huyện L giải quyết, bà L có nói với ông Tr là tại công an, bà L có thỏa thuận với ông H là thống nhất còn nợ ông H 210.000.000 đồng, bà L hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi nào trả xong 210.000.000 đồng.

Đối với việc vay tiền giữa ông Nguyễn Thanh H với bà Nguyễn Thị L có hay không thì ông Tr hoàn toàn không biết, ông Tr không có liên quan gì. Nay ông Tr không thừa nhận có nợ ông H số tiền 210.000.000 đồng như ông H trình bày và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đối với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H vốn vay là 210.000.000 đồng và lãi là 45.307.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 255.307.500 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr nộp 12.765.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.383.000 đồng (Sáu triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số BH/2017/0007026 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2019, bà L, ông Tr có đơn kháng cáo trình yêu cầu xác định việc vay mượn tiền giữa ông H, bà L, ông Tr là không có. Yêu cầu hủy bản án số 54/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án huyện L. Theo đó bà L, ông Tr không phải trả vốn vay 210.000.000 đồng và lãi vay là 45.307.500 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 12.765.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hùng Tr liên đới trả cho ông H vốn vay là 210.000.000 đồng và lãi là 45.307.500 đồng, tổng cộng là 255.307.500 đồng. Vì

tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận bà L có nhận của ông H 250.000.000 đồng.

+ Chị Nguyễn HL, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hùng Tr trình bày: Bà L và ông Tr không vay tiền nên không nợ ông H số tiền vốn vay 210.000.000 đồng như ông H trình bày. Bà L, ông Tr không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H. Bởi vì: Tờ cam kết ông Tr viết là bị ép buộc viết nên không có giá trị pháp lý. Bà L chỉ nhận tiền của ông H để cho vay dùm ông H nên bà L chỉ chịu trách nhiệm đôn đốc bà Hoàng L và bà H trả tiền cho ông H.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Bà L thừa nhận có nhận tiền của ông H 5 lần, tổng số tiền là 250.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 210.000.000 đồng, nhưng bà L cho rằng nhận để cho vay dùm ông H. Đối với ông Tr cũng thừa nhận ông có viết giấy cam kết trả nợ cho ông H, nhưng ông Tr cho rằng bị ép buộc. Tuy nhiên, bà L, ông Tr không xuất trình được chứng cứ chứng minh là cho vay dùm và ông Tr bị ép buộc viết giấy cam kết. Bên cạnh đó, bà L đã khởi kiện bà Loan về hợp đồng vay, đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A xét xử buộc bà Loan trả nợ vay cho bà L. Hiện nay, ông Tr và bà L vẫn là vợ chồng, số tiền này được vay trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, theo nội dung trên, có đủ cơ sở xác định bà L, ông Tr có vay của ông H, còn nợ lại số tiền vốn 210.000.000 đồng là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, ông Tr không thừa nhận có vay tiền của ông H. Số tiền ông H đưa cho bà L để bà L cho vay dùm, ông H là người nhận tiền lãi, chứ không phải bà L vay để hưởng chênh lệch lãi suất, nên không đồng ý liên đới trả tiền vay cho ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Ông H đưa cho bà L 05 lần tiền, tổng cộng 250.000.000 đồng là có thật, được bà L thừa nhận tại Biên bản đối chiếu nợ vay của Công an huyện L và tại phiên tòa phúc thẩm, chị Liên là người đại diện theo ủy quyền của bà L cũng thừa nhận bà L có nhận của ông H số tiền 250.000.000 đồng. Ông H cho rằng số tiền này là tiền ông đưa bà L, ông Tr vay. Bà L cho rằng số tiền này bà không vay của ông H, mà do ông H đưa cho bà để bà cho vay dùm, ông H lấy tiền lãi chứ bà không lấy.

Xét lời trình bày của bà L cho rằng số tiền bà nhận của ông H không phải là tiền vay là không có cơ sở. Căn cứ theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 về Hợp đồng vay tài sản quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[3] Tuy giữa ông H và bà L, ông Tr không có hợp đồng vay bằng văn bản, nhưng giữa hai bên đã xác định hợp đồng vay tài sản thông qua lời nói và lời thừa nhận của bà L có nhận tiền của ông H, hàng tháng ông H có nhận tiền lãi từ bà L. Bà L cho rằng bà chỉ cho vay dùm ông H, cụ thể là đưa cho bà Hết và bà Loan vay. Nhưng lời trình bày này của bà L không có cơ sở, không được ông H thừa nhận. Mặt khác, tại bản án số 177/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A, xét xử vụ tranh chấp hợp đồng hội và hợp đồng vay giữa bà L và bà Hoàng L, bà L đã trình bày: *“Bà đứng ra vay dùm bà Hoàng L nên bà Hoàng L có trách nhiệm trả cho bà còn việc bà vay tiền của ai để bà đưa bà Hoàng L thì bà sẽ có trách nhiệm với người đó”*. Nay bà L lại cho rằng bà chỉ đưa tiền cho vay dùm ông H nên bà không đồng ý trả tiền vay cho ông H là không có căn cứ.

Đối với ông Tr cho rằng bị ép buộc viết tờ cam kết trả tiền cho ông H. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, chị Liên là người đại diện theo ủy quyền của ông Tr, bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh là ông Tr bị ép buộc viết tờ cam kết. Do đó, xét kháng cáo của bà L và ông Tr không đồng ý trả tiền vay cho ông H là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét bản án sơ thẩm xét xử buộc bà L và ông Tr trả tiền vốn và lãi cho ông H là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà L, ông Tr phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hùng Tr.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đối với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H vốn vay là 210.000.000 đồng và lãi là 45.307.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 255.307.500 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr liên đới chịu 12.765.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.383.000 đồng (Sáu triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số BH/2017/0007026 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hùng Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số BH/2018/0006145 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà L, ông Tr không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân H. L;
- Chi Cục THA DS H.L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh